

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2018/DS-ST

Ngày: 27-9-2018

“V/v tranh chấp vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thanh Sơn

Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Yên Phương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/20178/TLST- DS ngày 28 tháng 11 năm 2017 về “tranh chấp vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm: 1970 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 24, Ấp H, xã Hòa Bình T, huyện C, tỉnh A.

Bị đơn: Ông Ngô Văn M, sinh năm: 1980 (Vắng mặt)

Bà Trương Thùy L, sinh năm: 1987 (Vắng mặt)

Cùng cư trú: ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh A.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:

Ông Hồ Minh T, sinh năm: 1948 (Vắng mặt)

Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1952 (Vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 24/11/2017 và lời khai tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Văn B trình bày:

Do ông T giới thiệu nên ông Bình mới cho vợ chồng ông Ngô Văn M , bà Trương Thùy L có hỏi vay số tiền 352.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận gồm 2 lần cụ thể như sau:

+ Lần 1 là hợp đồng vay ký vào ngày 27/10/2015 với số tiền là 110.000.000 đồng mục đích vay là để mua đất thổ cư của ông C .

+ Lần 2 hợp đồng ký vào ngày 5/11/2015 với số tiền 242.000.000 đồng. Mục đích vay là mua 10 công đất nông nghiệp của ông P

Do lúc này ông C và ông P giấy đất thế chấp ngân hàng nên ông M , bà L hỏi vay tiền ông B trả nợ cho Ngân hàng để chuộc giấy đất ra. Khi vay tiền hai bên có làm giấy tờ, hẹn 10 ngày trả tiền lại, khi vay không có thế chấp tài sản gì khác, lãi suất hai bên thỏa thuận. Số tiền 110.000.000 đồng ông đưa cho ông M , bà L tại phòng công chứng. Còn số tiền 242.000.000 đồng ông đưa ông M , bà L tại Ngân hàng Mê Kông. Trong quá trình vay ông M , bà L không đóng lãi cũng như trả vốn cho ông mà cứ hứa hẹn mà không trả . Nay ông yêu cầu ông Ngô Văn M , bà Trương Thùy L phải trả lại số tiền 352.000.000 đồng và ông yêu cầu tính lãi suất từ ngày 05 tháng 12 năm 2015 cho đến ngày xét xử.

Đối với phần trình bày của ông Hồ Minh T và bà Nguyễn Thị Y là ông T bà Y có vay tiền của ông B với số tiền 352.000.000 đồng để trả nợ ngân hàng và ông T , bà Y có nhờ vợ chồng ông M , bà L đứng tên dùm 2 giấy đất và đi vay tiền ngân hàng. Do ông M bà L đứng tên dùm giấy đất của vợ chồng ông nên ông B mới yêu cầu ông M , bà L ký tên vào biên nhận. Số tiền mà ông B kiện ông M , bà L là số tiền vợ chồng ông vay, nay ông T bà Y cũng thừa nhận thiếu tiền ông B và đồng ý trả tiền cho ông B mà khi nào bán được đất thì trả cho ông B , còn phần lãi xin miễn tính lãi. Phần trình bày của ông T , bà Y ông B không thừa nhận, ông xác định chỉ cho ông M , bà L vay và trực tiếp giao tiền cho ông M bà L. Nay ông khởi kiện yêu cầu ông M , bà L trả tiền vay, ông không có yêu cầu ông Hồ Minh T và bà Nguyễn Thị Y phải trả cho ông số tiền trên.

Đối với bị đơn ông Ngô Văn M và bà Trương Thùy L tại bản tự khai ngày 2/1/2018 cùng thống nhất trình bày: Nguyên là ông Hồ Minh T và bà Nguyễn Thị Y, ngụ ở ấp Hưng Lợi, xã Đào Hữu Cảnh, huyện Châu Phú, An Giang có vay tiền tại Quỹ tín dụng Mỹ Bình do ông T , bà Y không trả nợ được cho Quỹ tín dụng nên ông T , bà Y bị phân loại nợ xấu, không được đáo hạn ngân hàng, để có tiền trả nợ cho Quỹ tín dụng ông T , bà Y thỏa thuận chuyển tên quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn P và ông Hồ Văn C để vay tiền lại cho Quỹ tín dụng giúp (hai bên chỉ hợp thức hóa giấy tờ nhưng thực tế thì ông Tấn, bà Y vẫn đề quản lý, sử dụng đất). Khi ông P và ông C đứng tên thì Quỹ Tín dụng mới cho ông P và ông C vay, sau đó ông P và ông C không trả nợ nên cũng phân vào nợ xấu và không được vay tiếp cho nên ông Tấn, bà Y vay tiền của ông B để trả nợ quỹ tín dụng. Khi ông T , bà Y lấy giấy đất ra và chuyển qua nhờ vợ chồng ông M , bà L đứng tên dùm. Sau khi ông M , bà L đứng tên giấy chủ quyền đất đã thế chấp cho ngân hàng Thương

mai Mê Kông và Ngân hàng Việt Á số tiền vay đều do ông T nhận. Vì ông B bỏ tiền ra cho ông T, bà Y mượn để trả tiền ngân hàng nhưng giấy chủ quyền đất do vợ chồng ông đứng tên nên ông B sợ mất tiền đã yêu cầu vợ chồng ông ký tên có vay tiền của ông Bình nhưng thật chất ông bà không có nhận tiền của ông B. Nay trước yêu cầu của ông B, ông và bà L không đồng ý trả tiền cho ông B, vì do vợ chồng ông không có sử dụng đồng tiền nào cả, việc vay nợ là giữa ông T, bà Y với ông B ông không biết.

Đối với Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Minh T và bà Nguyễn Thị Y tại biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2018 thống nhất trình bày: Vợ chồng ông có vay tiền của Quỹ tín dụng Mỹ Bình, do không có tiền trả nên phân vào nợ xấu, sau đó qua lời giới thiệu của ông T nên vợ chồng ông có vay tiền của ông B để trả nợ quỹ tín dụng và mua nền đất thổ cư ở Châu Thành. Sau khi lấy giấy ra vợ chồng ông định đi vay tiền ngân hàng trả tiền ông B nhưng do vợ chồng ông lớn tuổi nên ngân hàng không cho vay, nên ông có nhờ vợ chồng ông M, bà L đứng tên dùm 2 giấy đất, sau khi ông M, bà L đứng tên hai giấy đất thì đứng tên vay ở Ngân hàng Việt Á và Ngân hàng TMCP Mê Kông và đem thế chấp hai giấy đất trên cho ngân hàng. Số tiền vay ở Ngân hàng ông M bà L không có sử dụng, do ông M bà L đứng tên dùm giấy đất của vợ chồng ông nên ông B mới yêu cầu ông M, bà L ký tên vào biên nhận. Số tiền 352.000.000 đồng mà ông B kiện ông M, bà L là số tiền vợ chồng ông vay. Nay trước yêu cầu của ông B thì ông và bà Y đồng ý trả cho ông B số tiền 352.000.000 đồng, khi nào bán được đất thì trả cho ông B, còn phần lãi xin miễn tính lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ông M, bà L, ông Tấn, bà Y nhưng ông M, bà L, ông T, bà Y vắng mặt các buổi giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M, bà L, ông T, bà Y theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng được pháp luật quy định tại Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và các văn bản pháp luật có liên quan. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Còn đối với phần trình bày của bị đơn ông M, bà L, ông T, bà Y nếu các bên có tranh chấp thì sẽ được xem xét trong vụ kiện khác nếu ông M, bà L, ông T, bà Y có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Ngô Văn M và bà Trương Thùy L là bị đơn, ông Hồ Minh T và bà Nguyễn Thị Y là Người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tổng đạt, niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến lần thứ hai nhưng Ngô Văn M và bà Trương Thùy L, ông Hồ Minh T và bà Nguyễn Thị Y vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt Ngô Văn M và bà Trương Thùy L, ông Hồ Minh T và bà Nguyễn Thị Y theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2017 ông Nguyễn Văn B yêu cầu ông Ngô Văn M và bà Trương Thùy L phải trả số tiền vay còn thiếu là 352.000.000 đồng, căn cứ để ông B yêu cầu là 2 tờ hợp đồng vay tiền đề ngày 27/10/2015 và ngày 5/11/2015 có chữ ký chữ viết của hai bên ông B, ông M, bà L. Trong quá trình vay nợ ông M, bà L không thực hiện trả lãi và vốn theo thỏa thuận. Tại phiên tòa hôm nay, ông B yêu cầu ông M, bà L phải trả số tiền còn thiếu là 352.000.000 yêu cầu tính lãi suất từ ngày 05 tháng 12 năm 2015 cho đến ngày xét xử. Còn phía bị đơn, tại bản tự khai của ông M, bà L cung cấp ở Tòa ngày 2/1/2018 cũng như phần trình bày của đại diện ủy quyền của ông M tại biên bản hòa giải ngày 4/1/2018 cũng thừa nhận ông M, bà L có ký nhận vào hai tờ hợp đồng vay tiền ngày 27/10/2015 và ngày 5/11/2015, thừa nhận chữ ký tên trong hợp đồng vay tiền đúng là chữ ký của mình nhưng thực chất là tiền do ông T, bà Y nhận, ông bà không có nhận. Ông M bà L cho rằng ông, bà chỉ đứng tên dùm giấy đất cho ông T, bà Y, còn việc vay nợ là sự thỏa thuận giữa ông B và ông Tấn, do đó ông bà không đồng ý trả nợ cho ông B. Tuy nhiên lời trình bày của ông M, bà L không được phía ông B chấp nhận và trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã triệu tập ông M, bà L và ông T bà Y đến tòa án nhưng phía bị đơn ông M, bà L người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông T, bà Y cũng không đến tòa tham gia hòa giải đối chất cũng như không đưa ra được bất cứ chứng cứ nào để chứng minh cho lời khai nại của mình là đứng tên dùm giấy đất cho ông T, bà Y và ký vào hợp đồng vay nợ dùm cho ông T, bà Y. Do đó ông M, bà L phải có nghĩa vụ chứng minh nhưng ông M, bà L không chịu cung cấp chứng cứ chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Xét thấy: Mối quan hệ hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Văn B với Ngô Văn M và bà Trương Thùy L thực tế có phát sinh, trên cơ sở 2 tờ hợp đồng vay tiền đề ngày 27/10/2015 và ngày 5/11/2015 có chữ ký chữ viết của hai bên ông B, ông M, bà L. Xuất phát từ chỗ quen biết nên ông B cho ông M bà L vay tiền nhưng ông M, bà L không thực hiện trả góp đúng thời gian thỏa thuận. Việc kéo dài thời gian trả tiền đã gây thiệt thòi về quyền lợi chính đáng cho phía

ông B . Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của ông B buộc ông M , bà L phải có nghĩa vụ trả số tiền 352.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp.

[2.2] Về lãi suất: Do ông M bà L vi phạm nghĩa vụ nên ông B yêu cầu ông M , bà L phải trả lãi suất khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ là hoàn toàn chính đáng.

- Thời gian tính lãi từ ngày 05/12/2015 đến ngày 27/9/2018 là 33 tháng
Vốn 352.000.000đ x lãi 1.125%/tháng x 33 tháng = 130.680.000 đồng
Vốn 352.000.000đ + lãi 130.680.000 đồng = 482.680.000 đồng.

Như vậy, nghĩ nên xác lập mối quan hệ tranh chấp trên buộc ông M , bà L phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông B số tiền 482.680.000 đồng là hoàn toàn phù hợp.

[2.3] Đối với lời trình bày của ông Ngô Văn M và bà Trương Thùy L tại bản tự khai đề ngày 2/1/2018 cho rằng ông T, bà Y có nhờ vợ chồng ông bà đứng tên dùm giấy đất. Sau khi ông bà đứng tên giấy chủ quyền đất thì đem thế chấp cho ngân hàng, số tiền vay đều do ông T nhận. Vì ông Bình bỏ tiền ra cho ông T , bà Y mượn để trả tiền ngân hàng nhưng giấy chủ quyền đất do vợ chồng ông bà đứng tên nên ông B sợ mất tiền nên yêu cầu vợ chồng ông ký tên có vay tiền của ông B, nhưng thật chất ông bà không có nhận tiền của ông B . Tuy nhiên phần trình bày của ông M và bà L không được ông B thừa nhận và lại trong quá trình thụ lý giải quyết, Tòa án đã triệu tập ông M , bà L đến Tòa để có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông B nhưng ông M , bà L vẫn vắng mặt không rõ lý do và cũng không có đặt ra yêu cầu gì khác để Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu ông M bà L xác định việc ông bà có đứng tên dùm giấy đất và đứng tên vay tiền cho ông Tấn, bà Y thì ông bà có thể yêu cầu ông T bà Y trả số nợ này và sẽ được xem xét trong vụ kiện khác nếu ông M , bà L có yêu cầu.

[2.4] Đối với lời trình bày của ông Hồ Minh T và bà Nguyễn Thị Y tại biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2018 ông T bà Y thừa nhận có nhờ ông M bà L đứng tên dùm giấy đất và có vay tiền của B để trả nợ. Ông bà cũng đồng ý trả nợ cho ông B thay cho ông M , bà L . Tuy nhiên phần trình bày của ông T bà Y không được ông B đồng ý và đồng thời ông B cũng không yêu cầu ông T , bà Y trả tiền. Nếu ông T bà Y đồng ý trả nợ thay cho ông M , bà L thì ông bà có thể thỏa thuận với ông M , bà L trong giai đoạn thi hành án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Ông Ngô Văn Múc và bà Trương Thùy L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, khoản 1 Điều 227, 228, 235, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 473, 474, 476 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn B
- Buộc ông Ngô Văn M và bà Trương Thùy L phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Văn B vốn + lãi tổng cộng là 482.680.000đ (Bốn trăm tám mươi hai triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn B được nhận lại số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003153 ngày 28 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ông Ngô Văn M và bà Trương Thùy L phải chịu 23.307.000đ (Hai mươi ba triệu ba trăm lẻ bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về kháng cáo: Ông Nguyễn Văn B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/9/2018). Bà Trương Thùy L, ông Ngô Văn M, ông Hồ Minh T và bà Nguyễn Thị Y được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng (để thi hành);
- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh AG;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Dung